TÒA ÁN ND QUẬN LIÊN CHIỂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10/6/2021
V/v: *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Văn S**

Bà **Huỳnh Thị L**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Khuất Duy T** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Dương Thị Phương Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Bảo V**, sinh năm 1986. Địa chỉ: Nhà E2, chung cư C, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- Bị đơn: Ông **Võ Văn V**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Nhà E2, chung cư C, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện nộp tại Tòa án và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Bảo V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông Võ Văn V tự nguyện kết hôn vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại Tòa nhà E2, phòng 321 Khu chung cư Âu Cơ, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình sinh sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, ông V uống rượu về xúc phạm bà V và con. Vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến xô xát, nhiều lần

bà V phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Bà V xác định tình cảm đã không còn với ông V. Vì vậy bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà V được ly hôn với ông Võ Văn V.

Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Bảo V xác định trong thời kỳ hôn nhân giữa bà V và ông V có hai con chung tên Võ Bảo Y, sinh ngày 26.6.2009 và Võ Văn P, sinh ngày 03.8.2015. Ly hôn bà V có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung Võ Bảo Y và Võ Văn P. Bà V yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000đ. Tại phiên tòa bà V thay đổi về mức cấp dưỡng, bà V yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000đ.

Về quan hệ tài sản chung: Bà V xác định trong thời kỳ hôn nhân giữa bà V và ông V có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai và tại biên bản hòa giải ngày 09.01.2021 bị đơn ông Võ Văn V trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng, ông V thống nhất như lời trình bày của bà Trần Thị Bảo V. Trong quá trình sinh sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên và dẫn đến xô xát nhau. Tuy nhiên theo ông V đó là chuyện nhỏ, ông V vẫn còn yêu thương vợ con, nên ông V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được đoàn tụ. Vì vậy ông Vương không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà V.

Về con chung: Ông Võ Văn V xác định trong thời kỳ hôn nhân ông và bà Trần Thị Thảo V có 02 con chung Võ Bảo Y, sinh ngày 26.6.2009 và Võ Văn P, sinh ngày 03.8.2015. Ông V do không đồng ý ly hôn với bà V nên ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Ông V xác định trong thời kỳ hôn nhân giữa ông V và bà V có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các điều 195, 196, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị Bảo V đã thực hiện đầy đủ quyền

và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Võ Văn V không tham gia không tham dự phiên tòa là đã không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Bảo V đối với Võ Văn V.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung Võ Bảo Y, sinh ngày 26.6.2009 và Võ Văn P, sinh ngày 03.8.2015 cho bà Trần Thị Bảo V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời ông Võ Văn V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu Võ Bảo Y và Võ Văn P đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Bảo V khởi kiện ly hôn ông Võ Văn V, cư trú tại phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ngày 04/01/2021Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho ông Võ Văn V. Ngày 29/01/2021 Tòa án tiến hành mở phiên họp về giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông V có mặt theo triệu tập của Tòa án và ông V tham gia hòa giải đúng theo quy định. Tuy nhiên đến ngày 07/4/2021 Toà án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và tống đạt các thông báo mở phiên tòa cho ông V, nhưng ông V vẫn không tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay ông V vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 277 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Võ Văn V.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bảo V và ông Võ Văn V kết hôn trên cơ ở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 29/9/2008. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình sinh sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông V uống rượu về xúc phạm bà V. Vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến xô xát, nhiều lần bà V phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Vì vậy bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông V. Về phía bị đơn ông V trong quá trình giải quyết vụ án xác nhận giữa ông và bà V có mâu thuẫn như lời trình bày của bà V là đúng, nhưng ông V cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, ông V vẫn còn tình cảm với bà V nên ông V xin được đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân phải xuất phát từ hai bên, giữa ông V và bà V có xảy ra mâu thuẫn, ông V không có sự quan tâm, chăm sóc vợ con như lời trình bày của bà V là đúng. Trong quá trình Tòa án hòa giải ông V xin được đoàn tụ, tuy nhiên tại phiên tòa ông V vắng mặt. Tại phiên tòa bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn đối với ông V. Theo kết quả xác minh của Tòa án nơi ông V, bà V sinh sống thì địa phương cung cấp như sau: *"...vợ chồng ông V, bà V hiện đang sinh sống tại địa phương, quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, to tiếng ..."*. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà V và ông V không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho bà Trần Thị Bảo V được ly hôn với ông Võ Văn V.

[2] Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Bảo V và ông Võ Văn V xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 02 con chung tên là Võ Bảo Y, sinh ngày 26.6.2009 và Võ Văn P, sinh ngày 03.8.2015. Ly hôn nguyện vọng của bà V yêu cầu được nuôi con hai chung và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Ông V không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Cha mẹ có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung ngang nhau, việc giao con chung cho cha hay mẹ nuôi với mục đích để các cháu phát triển đầy đủ, toàn diện về tinh thần thể chất. Hiện tại hai cháu Võ Bảo Y và Võ Văn P đang ở với mẹ, cháu Võ Bảo Y đã trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét nguyện vọng nuôi con chung của bà Trần Thị Bảo V là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung Võ Bảo Y bà Võ Văn P cho bà Trần Thị Bảo V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Võ Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000đ, cho đến khi các cháu lần được đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Bà V, ông V xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có

[5] Án phí HNGĐ 300.000đ sơ thẩm bà V phải chịu theo quy định.

[6] Án phí cấp dưỡng nuôi cấp dưỡng nuôi con chung 300.000đ ông V phải chịu.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của Bà Trần Thị Bảo V đối với ông Võ Văn V.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Bảo V được ly hôn với ông Võ Văn V.

Về quan hệ con chung: Giao hai con chung Võ Bảo Y, sinh ngày 26.6.2009 và Võ Văn P, sinh ngày 03.8.2015 cho bà Trần Thị Bảo V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Võ Văn V cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích của con chung có quyền thay đổi người trực nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 95 quyển số 01 ngày 29/9/2008 của Ủy ban nhân dân xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà Trần Thị Bảo V phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004902 ngày 04.01.2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

3. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung 300.000đ ông Võ Văn V phải chịu.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Liên Chiểu;
- Chi cục THA.DS Q. Liên Chiểu;
- UBND X. Phú Thượng, H. Phú Vang, T. Thừa Thiên Huế;
- Sở tư pháp;
- Hồ sơ vụ án.

Phạm Thanh Hùng

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Bảo V khởi kiện ly hôn ông Võ Văn V, cư trú tại phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ngày 04/01/2021Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho ông Võ Văn V. Ngày 29/01/2021 Tòa án tiến hành mở phiên họp về giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông V có mặt theo triệu tập của Tòa án và ông V tham gia hòa giải đúng theo quy định. Tuy nhiên đến ngày 07/4/2021 Toà án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và tống đạt các thông báo mở phiên tòa cho ông V, nhưng ông V vẫn không tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay ông V vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 277 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Võ Văn V.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bảo V và ông Võ Văn V kết hôn trên cơ ở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thượng, huyện

Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 29/8/2008. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống đến cuối năm 2017 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, ông V không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xuyên cãi vả, hôn nhân không hạnh phúc. Vì vậy bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông V. Về phía bị đơn ông V trong quá trình giải quyết vụ án thừa nhận giữa ông và bà Duyên có mâu thuẫn như lời trình bày của bà V là đúng, nhưng ông V cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên ông Lượng xin được đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân phải xuất phát từ hai bên, giữa ông Lượng và bà Duyên có xảy ra mâu thuẫn, ông Lượng không có sự quan tâm, chăm sóc vợ con như lời trình bày của bà Duyên là đúng. Trong quá trình Tòa án hòa giải ông Lượng xin được đoàn tụ, tuy nhiên tại phiên tòa ông Lượng vắng mặt. Tại phiên tòa bà Duyên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn đối với ông Lượng do mâu thuẫn. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà Duyên và ông Lượng không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho bà Phạm Lê Tường Duyên được ly hôn với ông Võ Tấn Lượng.

[2] Về nuôi con chung: Bà Duyên và ông Lượng có 01 con chung tên là Võ Hoàng Bảo Duy, sinh ngày 22.10.2017. Ly hôn nguyện vọng của bà Duyên được nuôi con chung. HĐXX xét thấy cháu Duy chưa đủ 36 tháng tuổi, hiện cháu Duy do bà Duyên đang nuôi dưỡng. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của bà Duyên, giao cháu Duy cho bà Duyên trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án bà ông Lượng đồng ý giao con chung cho bà Duyên nuôi dưỡng nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông, bà được ly hôn. Ông Lượng yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ, bà Duyên không đồng ý việc ông Lượng cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên tại phiên tòa bà Duyên yêu cầu ông Lượng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Duyên buộc ông Lượng cấp dưỡng nuôi cháu Duy mỗi tháng 1.00.000đ, cho đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Duyên khai không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Án phí HNGĐ 300.000đ sơ thẩm bà Duyên phải chịu theo quy định.

[6] Án phí cấp dưỡng nuôi cấp dưỡng nuôi con chung 300.000đ ông Lượng phải chịu.

Vì các lẽ trên:
QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của Bà Phạm Lê Tường Duyên đối với ông Võ Tấn Lượng.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho bà Phạm Lê Tường Duyên, sinh năm 1994 được ly hôn với ông Võ Tấn Lượng, sinh năm 1989.

- *Về quan hệ con chung:* Giao cháu Võ Hoàng Bảo Duy - sinh ngày: 22/10/2017 cho bà Phạm Lê Tường Duyên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Võ Tấn Lượng cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích của con chung có quyền thay đổi người trực nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Giấy chứng nhận kết hôn số 113 quyển số 01 ngày 19/11/2015 của UBND phường xã Bình Quý, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà Phạm Lê Tường Duyên phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002781 ngày 23.3.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng (bà Duyên đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm).

3. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung 300.000đ ông Lượng phải chịu.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.
Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Liên Chiểu;
- Chi cục THA.DS Q. Liên Chiểu;
- UBND X. Bình Quý, H. Thăng Bình, T. Quảng Nam;
- Sở tư pháp;
- Hồ sơ vụ án.

Phạm Thanh Hùng